

Số: 2341/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 30 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, mở rộng Khu khám bệnh Bệnh viện Đa khoa Khu vực Long Thành

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2973/TTr-SXD ngày 16/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng:

1. Tên Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Sửa chữa, mở rộng Khu khám bệnh Bệnh viện Đa khoa Khu vực Long Thành.

2. Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Long Thành.

3. Đơn vị lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Khánh Bình Minh.

4. Chủ nhiệm lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Trần Nam Phong.

5. Hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án: Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.

6. Địa điểm: Cơ sở hiện hữu tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

7. Mục tiêu đầu tư: Tạo cơ sở vật chất tốt, sạch sẽ đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho bệnh viện.

8. Quy mô đầu tư và các giải pháp thiết kế:

a) Phần xây mới mở rộng:

Quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 880m². Bố trí khu vực sảnh khám bệnh và khu vực chờ của bệnh nhân, khu khám bệnh mở rộng của khối khám hiện hữu.

+ Giải pháp thiết kế chính: Kết cấu móng đơn BTCT. Hệ khung đà kiềng, cột, dầm, sàn mái bằng BTCT. Mái lợp tôn sóng vuông mạ màu, sử dụng hệ xà gồ sắt hộp gác lên tường hồi. Tường xây gạch không nung, sơn nước hoàn thiện trong và ngoài nhà (tường trong nhà ốp gạch Ceramic cao 1,8m). Nền lát gạch Granite 600x600. Hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng khung nhôm kính. Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, PCCC đầu tư đồng bộ hoàn chỉnh với khối nhà hiện hữu (nguồn được lấy từ khối nhà hiện hữu).

b) Cải tạo khối nhà khám bệnh 03 tầng hiện hữu:

- Mái: Xử lý chống thấm sê nô mái, sàn mái hành lang, mái sảnh đón.

- Tường, cột, dầm, trần:

+ Phá dỡ một số vách tường, cửa đi, cửa sổ; xây mới một số vách tường, xây bít một số cửa đi và cửa sổ để bố trí lại cho phù hợp công năng sử dụng (bố trí khu vực kho thuốc + phát thuốc + thu viện phí; bố trí thêm 01 phòng khám; mở lối đi lưu thông sang phần mở rộng).

+ Phá bỏ toàn bộ hộp gen kỹ thuật (tại tầng trệt) phía trước nhà để kết nối khối hiện hữu và phần mở rộng.

+ Phá dỡ toàn bộ hộp gen kỹ thuật phía sau để thay đường ống nước, sau đó xây mới lại hoàn thiện.

+ Phá dỡ phần lam chắn nắng tầng trệt (mặt phía trước tiếp giáp với phần mở rộng).

+ Ốp gạch Ceramic cao 1,5m một số vị trí tường trong nhà xây mới bổ sung.

+ Cạo toàn bộ lớp sơn cũ, bả matis sau đó sơn nước lại toàn bộ ngoài nhà (kể cả trần hành lang tầng 3).

+ Cạo, sùi và dặm vá một số vị trí tường trong nhà bị bong tróc, bả matis lại phần đã cạo, sùi sau đó sơn nước lại toàn bộ.

- Nền, sàn: Thay mới một số vị trí gạch nền tầng trệt bị sụt lún tại hành lang và khu vệ sinh (xử lý gia cố nền trước khi lát gạch lại).

- Khu vệ sinh: Thay mới toàn bộ bàn cầu các khu vệ sinh. Thay mới trần khu vệ sinh tầng 3 bằng trần tôn lạnh.

- Hệ thống điện: Thay thế đèn chiếu sáng thành đèn Led

- Hệ thống nước: Thay mới đường ống thoát nước mái. Làm mới hệ thống mương thoát nước phía trước phần mở rộng để đầu nối vào hệ thống thoát nước hiện hữu (mương BTCT B400, bên trên có nắp đan BTCT đục lỗ).

9. Tổng mức đầu tư: 7.423.895.811 đồng

trong đó:

- Chi phí xây dựng : 5.554.319.847 đồng
- Chi phí thiết bị : 173.065.000 đồng
- Chi phí QLDA : 170.884.337 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD : 691.883.967 đồng
- Chi phí khác : 284.570.772 đồng
- Chi phí dự phòng : 549.171.888 đồng

(Đính kèm bảng tổng dự toán xây dựng công trình)

10. Loại, cấp công trình: Dự án nhóm C, công trình dân dụng, cấp III.

11. Nguồn vốn: Vốn ngân sách (nguồn sự nghiệp).

12. Phương thức đầu tư: Thực hiện theo quy định.

13. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2019 - 2020.

14. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Đối với các công việc sử dụng mã hiệu tạm tính, chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập định mức hoặc vận dụng định mức của công trình tương tự đã được duyệt để xác định đơn giá xây dựng công trình cho phù hợp; Trường hợp sử dụng định mức mới để lập đơn giá cho gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định trước khi áp dụng. Đối với các vật tư, thiết bị không có trong thông báo giá của liên Sở Xây dựng - Tài chính, chủ đầu tư phải xác định giá vật tư theo đúng quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng để xác định dự toán gói thầu trước khi trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Các chi phí thiết bị đang được tạm tính, chủ đầu tư phải thực hiện thẩm định giá thiết bị theo quy định tại Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 19/02/2019 của UBND tỉnh về việc phân công và tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về thẩm định giá tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trước khi tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu nhằm đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả trong đầu tư xây dựng. Đối với trường hợp không thuộc đối tượng thực hiện thẩm định giá nhà nước thì chủ đầu tư phải tổ chức xác định giá thiết bị theo đúng quy định về quản lý chi phí để xác định dự toán gói thầu trước khi trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Dự toán xây dựng công trình là cơ sở xem xét, phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo phù hợp tiến độ thực hiện dự án, không dùng để thanh toán quyết toán.

- Đối với các công việc đã thực hiện, chủ đầu tư có trách nhiệm rà soát, cập nhật lại giá trị cho phù hợp với quy định tương ứng với thời điểm thực hiện.

- Sử dụng phần dự phòng phí đúng mục đích, tránh trường hợp đề nghị phát sinh công việc hoặc tăng thêm hạng mục công trình để sử dụng chi phí dự phòng.

- Chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung đề xuất trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, Báo cáo kết quả thẩm tra và an toàn, chất lượng xây dựng công trình theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình triển khai thi công xây dựng, đề nghị chủ đầu tư phải thực hiện đúng theo nội dung hồ sơ thiết kế được duyệt, chấp hành các quy định của cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng công trình, bảo vệ môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ theo quy định.



Điều 2. Tổ chức thực hiện

Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các ngành liên quan, tổ chức triển khai thực hiện đầu tư xây dựng công trình đúng theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế; Chủ tịch UBND huyện Long Thành; Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Khu vực Long Thành và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng KTN;
- Lưu: VT, KTN (Sơn).

07-17





Phụ lục

Kèm theo Quyết định số 2341/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh

Stt	Nội dung chi phí	Vốn đầu tư (đồng)	Ghi chú
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	5.554.319.847	
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	173.065.000	
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	170.884.337	<i>Tạm tính tối đa</i>
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	691.883.967	
1	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	253.379.506	
2	Chi phí thẩm tra dự toán chuẩn bị đầu tư	2.000.000	<i>Tạm tính</i>
3	Chi phí thẩm tra dự toán khảo sát địa chất	2.000.000	
4	Chi phí khảo sát địa chất	189.448.000	
5	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	14.330.146	
6	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng công trình	13.885.799	
7	Chi phí giám sát công tác khảo sát	7.714.323	<i>Tạm tính</i>
8	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	1.460.669	
9	Chi phí giám sát thi công xây dựng công trình	182.459.407	
10	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thi công xây dựng	23.994.662	
11	Chi phí thẩm định giá thiết bị	1.211.455	
V	CHI PHÍ KHÁC	284.570.772	
1	Phí thẩm định BCKTKT	1.410.540	
2	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT thi công xây dựng	5.226.110	<i>Tạm tính</i>
3	Chi phí bảo hiểm công trình	5.554.320	
4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	59.732.666	
5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng	18.245.941	
6	Chi phí hạng mục chung:	194.401.195	
	<i>Chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công</i>	<i>55.543.199</i>	
	<i>Chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế</i>	<i>138.857.996</i>	
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	549.171.888	



1	Dự phòng do yếu tố khối lượng phát sinh	343.736.196	
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	205.435.692	
	Tổng cộng	7.423.895.811	